

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh và bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 19/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 252/5/9 đường 2, khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 238/4 đường 2, khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:

Bà Văn Thị T và ông Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 08/12/2000. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ông Th một thời gian rồi ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông Th sống thiếu tôn trọng bà, độc đoán, gia trưởng và sống chỉ biết đến lợi ích cho riêng ông Th. Đến năm 2016, bà và ông Th đã không còn chung sống với nhau. Ông Th về nhà cha mẹ ruột sống, còn bà và các con vẫn sống tại nhà của vợ chồng.

Từ lúc không còn chung sống, bà và ông Th không còn liên lạc, không gặp gỡ và mạnh ai nấy sống. Ông Th cũng không gặp hay cấp dưỡng gì cho bà nuôi con.

Vào năm 2019, bà T đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn vì không muốn con cái buồn phiền và để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Nay bà T đã hết tình cảm và cũng muốn ổn định cuộc sống nên muốn được ly hôn ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Minh T1, sinh ngày 05/11/2001; Trần Văn T2, sinh ngày 12/02/2009. Cả 2 cháu hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn bà xin nuôi cháu T2 dưới 18 tuổi và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021, ngày 31/3/2021, ngày 06/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Th trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2013 thì có mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Đến đầu năm 2014 thì vợ chồng mua đất (trên đất đã có nhà) tại số 252/5/9 đường 2, khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận sống riêng.

Đến cuối năm 2016 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Do ông bị bệnh tiểu đường, thoát vị đĩa đệm mà bà T không chăm sóc, quan tâm nên ông dọn về nhà cha mẹ ruột sống. Từ lúc sống riêng vợ chồng mạnh ai nấy sống, không liên lạc và ông cũng không cấp dưỡng cho bà T nuôi con.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021, ngày 31/3/2021, ông Th trình bày đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã không còn tình cảm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2021 và các Biên bản hòa giải, ông Th thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì đang bệnh tật, không làm ra tiền và không muốn con cái buồn phiền về việc cha mẹ ly hôn. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Tại phiên tòa, ông Th đề nghị bà T chia tài sản chung của vợ chồng xong thì ông sẽ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông đề nghị bà T nuôi cháu T2 và ông không cấp dưỡng nuôi con do đang bị bệnh.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết, ông Th có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung của ông Th. Ngày 06/4/2021, ông Th trình bày ông bị bệnh, không làm ra tiền nên không thể nộp tiền tạm ứng án phí được. Ông xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung. Sau này có điều kiện về kinh tế ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Văn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Trần Văn Th. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường P, TP. P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Văn Thị T và ông Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 08/12/2000, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông Th không đồng ý ly hôn.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Cả ông Th và bà T đều thừa nhận: Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 đến nay bà T và ông Th không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nhà riêng và cũng không còn liên hệ, gặp gỡ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Ông Th không đồng ý ly hôn với lý do: “đang bệnh tật, không làm ra tiền và không muốn con cái buồn phiền về việc cha mẹ ly hôn. Việc ly hôn của bà T là yêu cầu đơn phương, tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này. Nếu bà T muốn ly hôn thì bà T phải giải quyết chia tài sản chung và nợ chung rõ ràng với tôi xong thì tôi mới đồng ý ly hôn.”

Hội đồng xét xử thấy rằng ông Th không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Minh T1, sinh ngày 05/11/2001; Trần Văn T2, sinh ngày 12/02/2009. Cháu T1 đã trưởng thành. Bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T2 dưới 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T2 từ trước đến nay đều sống với bà T và cháu T2 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, ông Th cũng đề nghị bà T nuôi cháu T2. Bà T đang làm giáo viên, thu nhập mỗi tháng 8.000.000đồng, có khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Văn T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Văn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Văn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung dưới 18 tuổi tên Trần Văn T2, sinh ngày 12/02/2009. Ông Trần Văn Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Văn Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Văn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Văn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0023206 ngày

08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Văn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Phước Mỹ, TP. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Vân